

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Lớp: S2...

Nghe HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....

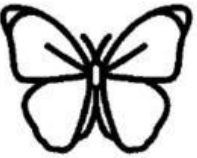
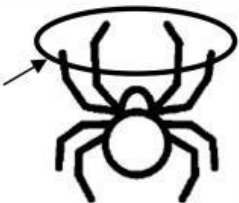
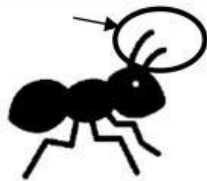


GE2 - Unit 6: All about bugs - Vocabulary 1 & Starters Listening

A. THEORY

I. VOCABULARY

❖ Insects (Côn trùng)

				
insects (n) côn trùng	cricket (n) con dế	butterfly (n) con bướm	bee (n) con ong	worm (n) con giun
				
spider (n) con nhện	ant (n) con kiến	legs (n) các cái chân	wings (n) đôi cánh	antennae (n) đôi râu (côn trùng)

❖ Characteristics of insects (Các đặc điểm của côn trùng)

		
carry (v) mang	build (v) xây dựng	helpful (adj) hữu ích

II. STARTERS LISTENING

1. Extra vocabulary

❖ CLASSWORK

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	drawing (n)	bức tranh vẽ	2	hockey (n)	môn khúc côn cầu

❖ HOMEWORK

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	basketball (n)	bóng rổ	3	French fries (n)	khoai tây chiên
2	camera (n)	máy ảnh	4	pea (n)	hạt đậu

*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi (áp dụng cho phần Vocabulary và Extra vocabulary).

2. Listen and tick (✓) the box. (Nghe và tích (✓) vào đáp án đúng.)

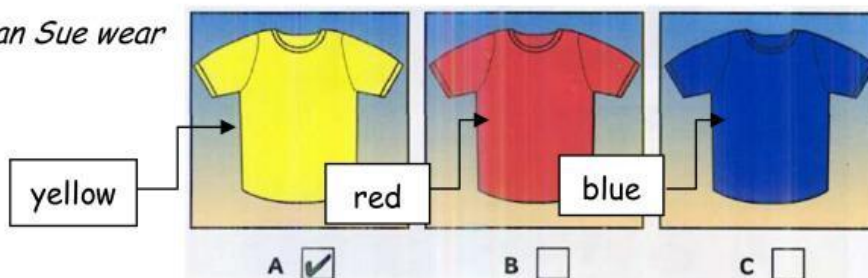
STARTERS PART 3 – 5 questions

Con làm bài nghe với link hoặc code sau:

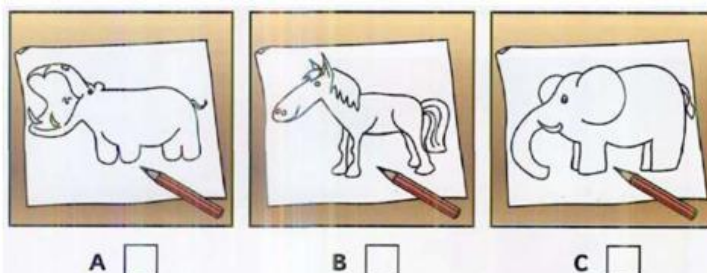
https://soundcloud.com/ms-chi-english/s2_w22_classwork_starters-part-3



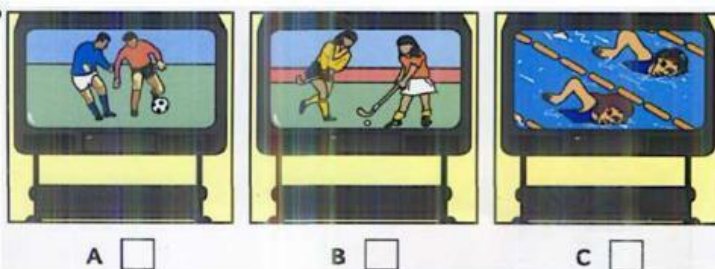
0. Which T-shirt can Sue wear today?



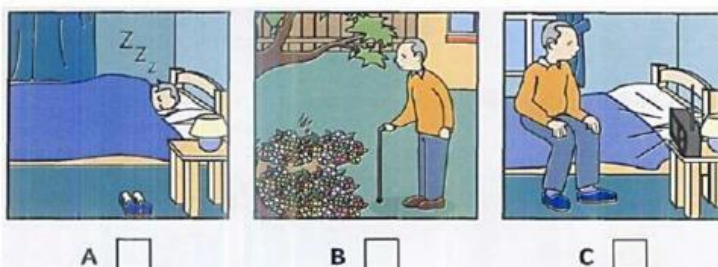
1. What's Sam drawing?



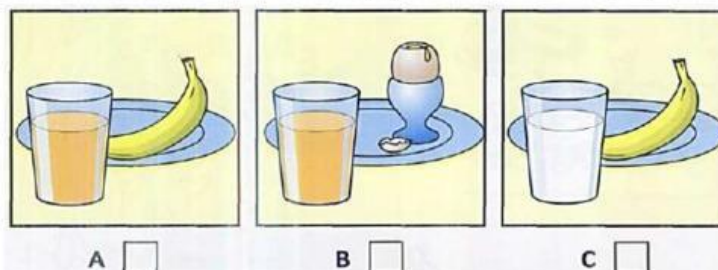
2. Which sport is on TV today?



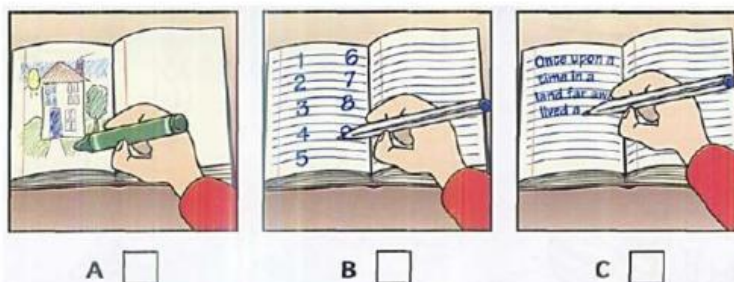
3. What's Grandfather doing?



4. What does May want for breakfast?



5. What's Kim doing?



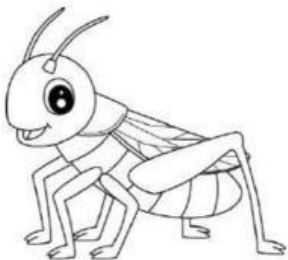
B. HOMEWORK (22 questions)

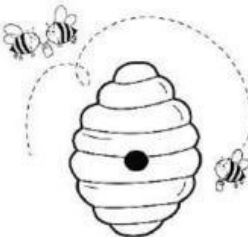
Exercise 1. Find and write. (Tìm và viết từ đúng.)

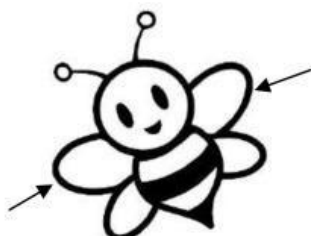
0.  bee
1. 
2. 
3. 
4. 
5. 
6. 
7. 

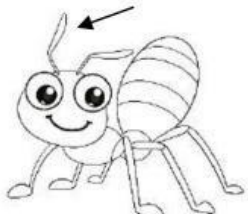
Q	Z	Q	Q	X	W	C	J	U	B
J	P	J	W	A	I	S	V	B	U
A	Z	M	A	U	N	K	F	E	T
N	L	C	N	P	G	N	E	E	T
T	J	W	T	X	S	S	W	X	E
E	L	W	O	R	M	C	V	K	R
N	U	X	L	E	G	S	R	V	F
N	Y	T	A	V	H	W	J	O	L
A	G	C	R	I	C	K	E	T	Y
E	F	J	O	B	Z	F	W	R	B

Exercise 2. Look and circle the correct answers. (Đọc và khoanh tròn đáp án đúng.)

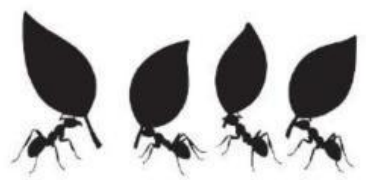
- 
0. Crickets are insects / ants.

- 
3. Bees can worm / build honeycombs (tổ ong).

- 
1. A bee has wings / cricket.

- 
4. An ant has long butterfly / antennae.

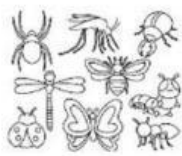
- 
2. Worms are helpful / wings for the soil (đất).

- 
5. Ants can carry / build leaves.

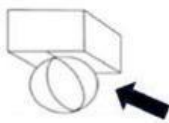
Exercise 3. Look, read and write. (Nhìn, đọc và viết.)

Crickets

Crickets are (0) insects. They are (1) and usually brown or green. A cricket has (2) legs, two wings and two (3) A cricket has wings, but it can't (4) Crickets can "sing" different songs with different meanings. They like to live in grass, bushes, or hide (5) rocks.



insects



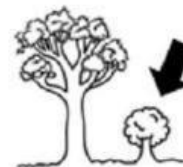
under



antennae



six



small



fly

Exercise 4. Look, read and circle the correct answers. (Nhìn, đọc và khoanh tròn đáp án đúng.)

0.		He a letter yesterday. ☒ a. wrote b. write
1.		We to the zoo last Saturday. a. went b. go
2.		What did you at the park yesterday? a. drew b. draw
3.		We a great time at the party. a. had b. have
4.		Where did you dinner last night? a. eat b. ate
5.		They the game yesterday. a. win b. won

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

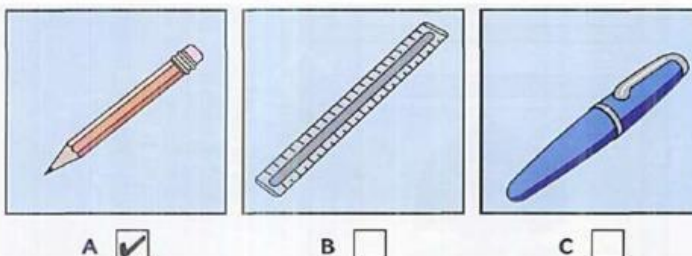
https://soundcloud.com/ms-chi-english/s2_w22_homework_starters-part-3

STARTERS PART 3 – 5 questions

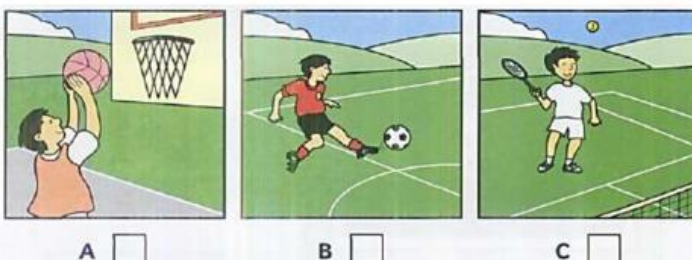
Listen and tick (✓) the box.



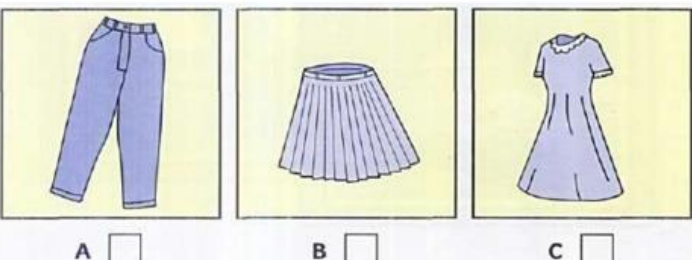
0. What has Ann got in her bag?



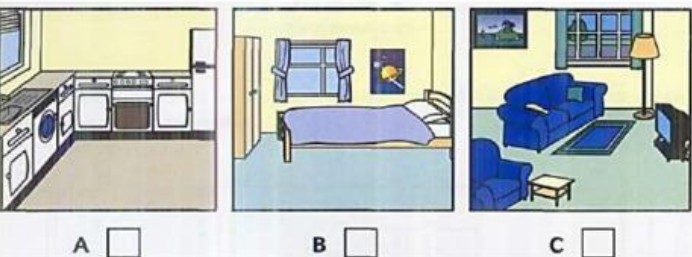
1. Which is Nick's favourite sport?



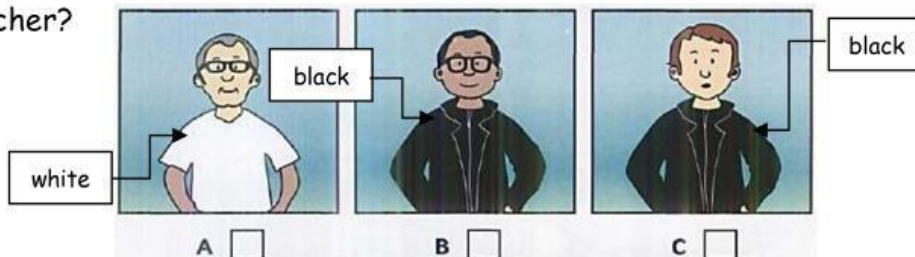
2. What is May buying?



3. Where's the camera?



4. Which man is Bill's teacher?



5. What does Sam want for lunch?

